

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Kiều Dung;
2. Bà Lê Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019, về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1958; địa chỉ: Lầu E, số T, đường X, khóm S, phường X, Khu C, thành phố B, R; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của ông Lin, Wen – Tsung: Ông Thượng Hoàng P, sinh năm 1978; cư trú tại: Số H, phường S, quận E, Thành phố M (theo Văn bản ủy quyền ngày 29-7-2019); vắng mặt.

Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1994; cư trú tại: Số nhà E, Tổ S, ấp N, xã D, huyện T, tỉnh N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn ông T trình bày: Ông và bà Đoàn Thị N đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 4 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khoảng tháng 9 năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không phù hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, công việc, nên ông về L sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, giữa hai bên không còn liên lạc với nhau. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Đoàn Thị N trình bày: Bà và ông T quen biết nhau qua người làm mai, không tìm hiểu nhau trước khi cưới. Bà và ông T chung sống vợ chồng năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh N như ông T trình bày. Trong quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, tính cách nên giữa hai người phát sinh mâu thuẫn, nên từ khoảng tháng 9-2018 ông T đã bỏ về Đài Loan sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Tình cảm, hạnh phúc không còn nên bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông T đối với bà Đoàn Thị N; về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự trình bày không có, nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông T, bà Đoàn Thị N là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xử vắng mặt ông T và bà Đoàn Thị N.

[2] Về nội dung: Ông T và bà Đoàn Thị N tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn ngày 18-4-2018 tại Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, ông T ở lại Việt Nam, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9-2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không phù hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống không thể hàn gắn được, nên ông T về Đài Loan sinh sống, còn bà N ở tại Việt Nam, thời gian kéo dài, nhưng giữa vợ chồng không còn mối liên hệ nào, mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà N không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà N.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Đoàn Thị N khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông T được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà Đoàn Thị N khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0001062, ngày 30 tháng 8 năm 2019, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn như sau:

- Bà Đoàn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

- Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Phòng KTNV. TA tỉnh ;
- UBND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Vũ